

Bản án số: 01/2025/DS-ST  
Ngày 20/01/2025  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

2. Bà Nguyễn Thị Yến

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-DS ngày 23/10/2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST-DS ngày 18/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-DS ngày 06/01/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đăng V, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng V trình bày:***

Ông và ông Nguyễn Văn T có mối quan hệ quen biết, do tin tưởng nên ông có cho ông T vay 02 lần tiền, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 06/7/2022, ông có cho ông T vay số tiền 52.000.000 đồng, mục đích ông T vay ông số tiền 52.000.000 đồng này là để ông T làm ăn. Khi vay hai bên không lập biên bản, thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nhưng

ông T có hẹn với ông là khi nào bán nhà sẽ trả tiền cho ông, nhưng sau khi bán nhà ông T chỉ trả ông có 2.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 20/3/2023, ông có cho ông T vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích ông T vay ông số tiền 150.000.000 đồng này là để ông T làm ăn. Ông và ông T thỏa thuận thời hạn vay là 09 tháng, lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông và ông T có lập Hợp đồng cho vay tiền và có công chứng tại Văn phòng C ở thị trấn Đ

Khi ông cho ông T vay cả hai số tiền trên là một mình ông đứng ra cho một mình ông T vay, tiền riêng của ông, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị N và vợ ông T là bà Nguyễn Thị Đ.

Sau thời hạn đã thỏa thuận thì ông T mới trả được cho ông 2.000.000 đồng của số nợ gốc 52.000.000 đồng, anh T trả khi nào ông cũng không nhớ, khi trả hai bên cũng không ghi biên bản gì.

Từ đó đến nay ông T chưa trả được cho ông số tiền nợ gốc nào nữa, hiện nay ông T còn nợ ông tổng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Nay, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc một mình ông T phải trả cho một mình ông số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, ông tự nguyện không yêu cầu ông T phải trả cho ông tiền nợ lãi.

Ngoài ra, ông V không có yêu cầu nào khác.

*\* Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông và ông Nguyễn Đăng V có mối quan hệ quen biết. Ngày 20 tháng 3 năm 2023, ông có vay của ông V số tiền là 150.000.000 đồng, mục đích ông vay ông V số tiền này là để làm ăn kinh doanh. Khi vay giữa ông và ông V có lập Hợp đồng cho vay tiền và có công chứng tại Văn phòng C ở thị trấn Đ Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày 20/3/2023 đến ngày 20/12/2023, lãi suất theo quy định của pháp luật. Từ khi vay của ông V đến nay ông chưa trả được cho ông V tiền gốc và tiền lãi. Khi ông vay số tiền này của ông V thì chỉ có ông và ông V, không liên quan đến vợ ông và vợ ông V

Nay ông V khởi kiện yêu cầu tôi phải trả cho ông V số tiền gốc là 150.000.000 đồng thì ông đồng ý nhưng ông đề nghị cho ông được trả dần vì hiện nay ông đang gặp khó khăn trong làm ăn nên chưa thu xếp tiền để trả cho ông V được

Đối với lãi suất của số tiền 150.000.000 đồng thì ông sẽ nói chuyện với ông V để ông V và ông thống nhất lại.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng ông vay của ông V trước đó thì đúng là ông có vay, ông V khởi kiện thì ông không có ý kiến gì. Tuy nhiên, hiện nay ông rất khó khăn nên ông đề nghị Tòa án và ông V cho ông được trả dần và trả số tiền gốc 150.000.000 đồng trước.

Ông xác định toàn bộ số tiền ông vay ông V là 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng là do một mình ông đứng ra vay của một mình ông V. Vì vậy một mình ông sẽ có trách nhiệm trả dần cho ông V.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T không có ý kiến nào khác.

*\* Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà là vợ của ông V, bà không biết việc chồng bà yêu cầu ông T trả lại số tiền mà ông T đã vay. Chồng bà là ông V không nói gì cho bà biết, đến khi ông V khởi kiện ông T ra Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thì bà mới nắm được. Nay ông V khởi kiện ông T thì bà đề nghị ông T phải có trách nhiệm trả tiền cho một mình ông V. Vì số tiền trên ông T vay của ông V là của một mình ông V, không liên quan đến bà, số tiền đó là tiền riêng của ông V.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Đ không có ý kiến nào khác.

*\* Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà là vợ của ông T, bà không được biết việc ông T vay mượn tiền của ông V, chồng bà thường vay mượn bên ngoài, ông không được biết, do chơi bời nên chồng bà thường xuyên vay mượn.

Bà không quen biết ông Nguyễn Đăng V, hai bên thỏa thuận vay mượn như nào bà không biết, đến khi ông V đến nhà bà đòi tiền thì bà mới biết. Do bà không biết chuyện vay mượn, cũng như số tiền mà ông T vay ông V cũng không dùng vào mục đích kinh tế chung của gia đình nên bà sẽ không trả cùng ông T.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị N không có ý kiến nào khác.

- Ngày 17 tháng 12 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 06 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam mở phiên tòa, **bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do**. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Đăng V trình bày: Tại phiên tòa ngày hôm nay ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị HĐXX giải quyết buộc một mình anh T phải trả cho một mình ông số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Ông tự nguyện không yêu cầu anh T phải trả tiền lãi suất cho ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; ông Nguyễn Đăng V có mặt, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Thị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 385, 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; đề:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng V, buộc ông Nguyễn Văn T phải trả ông Nguyễn Đăng V số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

*Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng V có mặt, bị đơn là ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, ngày 06/7/2022, ông Nguyễn Đăng V cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền nợ gốc 52.000.000 đồng, khi vay không lập biên bản, không thỏa thuận thời hạn trả và không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 20/3/2023, ông Nguyễn Đăng V có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 150.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 09 tháng, lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông V và ông T có lập Hợp đồng cho vay tiền và có công chứng tại Văn phòng C.

Vì vậy, tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4] *Về nội dung:*

[4.1] *Xét yêu cầu của ông Nguyễn Đăng V về việc buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông V số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng thì thấy:*

- Ngày 06/7/2022, ông V cho ông T vay số tiền là 52.000.000 đồng, khi vay hai bên không viết giấy biên nhận, không thỏa thuận lãi suất và thỏa thuận vay nóng ít ngày sẽ trả. Sau này ông T đã trả cho ông V được số tiền là 2.000.000 đồng, ông V không nhớ trả ngày nào.

Ngày 20/3/2023, ông V cho ông T vay số tiền là 150.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập Hợp đồng cho vay tiền và có công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T1, thời hạn vay là 09 tháng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, đến nay ông V đã đòi nhiều lần nhưng ông T chưa trả cho ông V cả hai khoản vay trên. Nay, ông V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông V tổng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Ông V khẳng định số tiền 200.000.000 đồng ông T vay của ông V không liên quan đến bà Đ và bà N.

- Ông T thừa nhận có vay của ông V số tiền nợ gốc là 2000.000.000 đồng, số tiền này một mình ông đứng ra vay, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị Đ. Ông đồng ý sẽ có trách nhiệm thu xếp trả cho ông V số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

- Bà Đ trình bày là bà không biết việc chồng bà là ông T có vay của ông V số tiền 200.000.000 đồng, ông T cũng không nói chuyện với bà về việc ông T có vay tiền của ông V, bà xác định việc ông T vay tiền của ông V không liên quan đến bà.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng V, buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Nguyễn Đăng V tổng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4.2] Về lãi suất: Ông Nguyễn Đăng V tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả lãi suất cho ông Nguyễn Đăng V. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Đăng V được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 10.000.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 385, điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng V, buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đăng V tổng số tiền là 200.000.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. *Hướng dẫn thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện Lục Nam;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Ngọc O**